

Bản án số: 259/2023/HS-PT

Ngày: 17-7-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Long**
Ông **Phạm Văn Hợp.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông **Đặng Thọ Định** - Kiểm sát viên.

Ngày 17-7-2023, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 136/2023/TLPT-HS ngày 29-3-2023 đối với bị cáo Nguyễn Hữu H và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2023/HS-ST ngày 17-02-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Các bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Hữu H, sinh năm 1965 tại Đắk Lắk; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số F L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng phòng Phòng Kế hoạch Nghiệp vụ Y - Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk; là Đảng viên Đ1 (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị Phương L; vợ là Trần Thị Mỹ N và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 27-4-2020; đến ngày 11-5-2021, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Đình D, sinh năm 1969 tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số F Hồ T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Phó trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ Dược - Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk; là Đảng viên Đ1 (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); con ông Nguyễn Đình C và bà Phạm Thị L1 (đều đã chết); vợ là Phạm Thị H1 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 27-4-2020; đến ngày 11-5-2021, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Cao Thị N1, sinh năm 1967 tại Hà Tĩnh; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số A H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Phó trưởng phòng Phòng Tài chính - Kế toán thuộc Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk; là Đảng viên Đ1 (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); con ông Cao Văn B1 và bà Nguyễn Thị N2; chồng là Nguyễn A (đã chết) và có 03 con (lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 1998); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam ngày 10-12-2020; đến ngày 11-5-2021, được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Xuân H2, sinh năm 1969 tại Quảng Nam; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên nhân viên Phòng nghiệp vụ Dược - Sở y tế tỉnh Đắk Lắk; con ông Nguyễn C1 và bà Nguyễn Thị T (đều đã chết); vợ là Nguyễn Thị N3 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam ngày 10-12-2020; đến ngày 11-5-2021, được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

5. Doãn Hữu L2, sinh năm 1961 tại Nghệ An; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số C A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk; là Đảng viên Đ1 (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); con ông Doãn Hữu T1 và bà Đặng Thị H3 (đều đã chết); vợ là Nguyễn Thị D1 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam ngày 27-4-2020; đến ngày 11-5-2021, được thay đổi bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

6. Nguyễn Hữu T2, sinh năm 1960 tại Hà Tĩnh; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số G N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng phòng Phòng Tổ chức cán bộ - Sở y tế tỉnh Đắk Lắk; là Đảng viên Đ1 (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); con ông Nguyễn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị B2; vợ là Tống Thụy Mỹ H4 và có 04 con (lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam ngày 10-12-2020; đến ngày 11-5-2021, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo:

- Người bào chữa cho các bị cáo:

1. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu H:

- Luật sư Đặng Ngọc H5 - Văn phòng L3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số B T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa.

- Luật sư Nguyễn Mai H6 - Văn phòng Luật sư Nguyễn Mai H6, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

2. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đình D:

- Luật sư Phan Ngọc N4 - Văn phòng L4, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số E Đường A, thôn A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên toà.

- Luật sư Võ Hữu D2 - Công ty L5, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Số B Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên toà.

3. Người bào chữa cho bị cáo Cao Thị N1:

Luật sư Tạ Quang T3 - Văn phòng L6, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: Tòa nhà Trung tâm văn hóa tỉnh Đắk Lắk, số B H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên toà.

4. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân H2:

Luật sư Nguyễn H7 và Luật sư Lương Thái A1 - Công ty L7, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ: Phòng D, số D B, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, đều có mặt tại phiên toà.

5. Người bào chữa cho bị cáo Doãn Hữu L2:

Luật sư Chu Thị Trang V và Luật sư Chu Đ - Văn phòng L8 và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: P, Tòa A, H, phường N, quận T, thành phố Hà Nội, đều vắng mặt.

(Vụ án còn có 10 bị cáo khác và 30 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng không liên quan đến kháng cáo, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau (Đối với các bị cáo kháng cáo):

Ngày 04-5-2013, Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk (sau đây viết tắt là Sở Y tế) có Tờ trình số 71/TTr-SYT gửi Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Đắk Lắk xin chủ trương đầu thầu mua sắm thuốc. Ngày 17-5-2013, Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk (sau đây viết tắt là Sở T) có Công văn số 916/STC-HCSN tham mưu cho UBND tỉnh Đắk Lắk xử lý đề nghị tại Tờ trình số 71/TTr-SYT. Ngày 23-5-2013, UBND tỉnh Đắk Lắk có Công văn số 3292/UBND-VHXXH, được điều chỉnh thay thế bởi Công văn số 3721/UBND-VHXXH ngày 07-6-2013 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giao Sở Y tế tiếp tục thực hiện đấu thầu tập trung mua thuốc khám chữa bệnh cho các cơ sở Y tế công lập từ năm 2013 trở đi, theo Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT/BYT-BTC ngày 19-01-2012 của Bộ Y - Bộ T6 Hướng dẫn đấu thầu mua thuốc trong các cơ sở y tế (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2012/TT, có hiệu lực từ ngày 01-6-2012 đến ngày 01-7-2016). Các cơ sở y tế công lập trực thuộc Sở Y tế căn cứ kết quả đấu thầu này để ký kết hợp đồng mua thuốc với các nhà thầu trúng thầu theo nhu cầu sử dụng thuốc trong năm.

Để tiến hành hoạt động đấu thầu thuốc, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2378/QĐ-UBND ngày 13-11-2013 thành lập Hội đồng Thẩm định kế hoạch đấu thầu gồm có 06 thành viên; Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 23-01-2014 điều chỉnh, bổ sung Hội đồng Thẩm định kế hoạch đấu thầu mua thuốc tại Quyết định số 2378/QĐ-UBND ngày 13-11-2013; Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 26-4-2014 về việc thay đổi thành viên Hội đồng thẩm định kế hoạch đấu thầu mua thuốc tại Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 23-01-2014, trong đó Doãn Hữu L2 - Giám đốc Sở Y tế làm Chủ tịch Hội đồng. Tại Điều 2 của Quyết định số 2378/QĐ-UBND ngày 13-11-2013 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc thành lập Hội đồng Thẩm định kế hoạch đấu thầu mua thuốc quy định: *“Hội đồng có nhiệm vụ thẩm định kế hoạch đấu thầu và trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch đấu thầu thuốc từ năm 2013 trở đi theo đúng các quy định hiện hành”*.

Giám đốc Sở Y tế đầu tư đã thành lập Tổ Chuyên gia đấu thầu theo các Quyết định số 500/QĐ-SYT ngày 07-6-2013; Quyết định số 864/QĐ-SYT ngày 28-10-2013, thay thế Quyết định số 500/QĐ-SYT ngày 07-6-2013; Quyết định số 262/QĐ-SYT ngày 15-6-2014, thay thế Quyết định số 864/QĐ-SYT ngày 28-10-2013 về việc thành lập Tổ Chuyên gia đấu thầu mua thuốc khám chữa bệnh, trong đó phân công Nguyễn Hữu H - Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế làm tổ trưởng; Quyết định số 300a/QĐ-SYT ngày 25-6-2014 về việc thành lập Tổ Thẩm định đấu thầu các gói thầu mua sắm thuốc phục vụ khám chữa bệnh năm 2014 - 2015; Quyết định số 556/QĐ-SYT ngày 25-8-2014 về việc thành lập Tổ Thẩm định đấu thầu (thay thế Quyết định số 300a/QĐ-SYT) do Nguyễn Đình Q - Phó Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ Y làm tổ trưởng; Tổ thẩm định có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ mời thầu, kết quả các gói thầu thuốc phục vụ khám chữa bệnh cho các cơ sở Y tế công lập năm 2014-2015.

Ngoài ra, trong quá trình đấu thầu, Giám đốc Sở Y tế ban hành Quyết định số 898/QĐ-SYT ngày 12-11-2014 về việc thành lập Tổ giúp việc cho Chủ đầu tư gồm 13 thành viên, trong đó Nguyễn Hữu H - Trưởng phòng Phòng Kế hoạch nghiệp vụ Y là Tổ trưởng, Nguyễn Đình Q - Phó Trưởng phòng Phòng Kế hoạch nghiệp vụ Y là Tổ phó. Nhiệm vụ của Tổ giúp việc quy định tại Điều 2 của Quyết định số 898/QĐ-SYT ngày 12-11-2014: Tổ giúp việc cho Chủ đầu tư có nhiệm vụ thực hiện các công việc do Chủ đầu tư giao về rà soát kết quả đấu thầu sau khi có báo cáo thẩm định. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện đấu thầu mua thuốc khám, chữa bệnh trong các cơ sở Y tế công lập năm 2014-2015 tại Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk đã xảy ra các vi phạm như sau:

1. Hành vi “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”:

1.1. Hành vi của Nguyễn Hữu H, Cao Thị N1 và Nguyễn Xuân H2.

Căn cứ Công văn số 3292/UBND-VHXXH ngày 23-5-2013 và Công văn số 3721/UBND-VHXXH ngày 07-6-2013 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giao cho Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk tiếp tục thực hiện đấu thầu tập trung mua thuốc khám chữa bệnh cho các cơ sở Y tế công lập từ năm 2013 trở đi theo Thông tư số 01/2012/TT. Các cơ sở Y tế công lập trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk căn cứ kết quả đấu thầu này để ký kết hợp đồng mua thuốc với các nhà thầu trúng thầu theo nhu cầu trong năm.

Năm 2013, Sở Y tế thành lập Tổ chuyên gia giúp việc đấu thầu mua sắm thuốc phục vụ khám chữa bệnh năm 2013-2014 theo Quyết định số 500/QĐ-SYT ngày 07-6-2013. Để phục vụ công tác xây dựng danh mục mặt hàng đấu thầu thuốc năm 2013-2014, Sở Y tế hướng dẫn cho các cơ sở Y tế công lập trực thuộc tổng hợp, rà soát, báo cáo nhu cầu sử dụng thuốc theo các văn bản và Nguyễn Xuân H2 được giao nhiệm vụ tổng hợp Danh mục, số lượng, phân chia gói thầu, giá kế hoạch. Tuy nhiên, sau khi Tổ Chuyên gia hoàn thành Danh mục đấu thầu thuốc năm 2013-2014, Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk lấy lý do theo quy định tại Thông tư số 01/2012/TT có nhiều thay đổi so với Thông tư liên tịch số 10/2007/TTLT-BYT-BTC của Bộ Y - Bộ T6, việc xét thầu cần phải có phần mềm hỗ trợ và phải tập huấn để triển khai; các gói thầu có thời điểm kết thúc khác nhau và điều chỉnh danh mục đấu thầu cho phù hợp với Thông tư 36/2013/TTLT-BYT-BTC, nên năm 2013-2014 Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk không tổ chức đấu thầu mà gia hạn thời gian thực hiện các gói thầu đã đấu thầu năm 2012-2013. Việc xây dựng, tổng hợp Danh mục các gói thầu thuốc năm 2013-2014 được chuyển tiếp sử dụng thành Danh mục kế hoạch đấu thầu thuốc 2014-2015. Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định kế hoạch đấu thầu mua thuốc năm 2013-2014 cũng được thay thế thành năm 2014-2015. Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 26-4-2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk thay thế Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 23-01-2014, phân công Doãn Hữu L2 - Giám đốc Sở Y tế làm Chủ tịch Hội đồng. Sau đó, Giám đốc Sở Y tế ký ban hành các quyết định thành lập Tổ chuyên gia, cụ thể: Quyết định số 864/QĐ-SYT ngày 28-10-2013 về việc thành lập Tổ chuyên gia giúp việc đấu thầu mua sắm thuốc phục vụ khám chữa bệnh năm 2013-2014 thay thế Quyết định số 500/QĐ-SYT ngày 07-6-2013; Quyết định số 262/QĐ-SYT ngày 15-6-2014 về việc thành lập Tổ chuyên gia giúp việc đấu thầu mua sắm thuốc phục vụ khám chữa bệnh năm 2014-2015 thay thế Quyết định số 864/QĐ-SYT ngày 28-10-2013.

Căn cứ Bảng phân công nhiệm vụ ngày 28-10-2013 kèm theo Quyết định số 864/QĐ-SYT ngày 28-10-2013, phân công nhiệm vụ nhóm xây dựng kế hoạch đấu thầu gồm:

“1. Ông Nguyễn Hữu H, Trưởng phòng KHNHY Sở Y tế - Tổ trưởng: Chịu trách nhiệm điều hành tổ, phụ trách chung.

2. Ông Nguyễn Hữu T2 - Trưởng phòng TCKT Sở Y tế, thành viên: Phụ trách nhóm lập và trình duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu.

3. Ông Nguyễn Xuân H2 - Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ Dược Sở Y tế - Thành viên (nhóm lập kế hoạch đấu thầu): Lập kế hoạch đấu thầu (danh mục, số lượng, phân chia gói thầu, giá kế hoạch); lập hồ sơ mời thầu, soạn thảo, tham mưu các văn bản liên quan đến kế hoạch đấu thầu...

4. Bà Cao Thị N1, Chuyên viên Phòng TCKT Sở Y tế - Thành viên (nhóm lập kế hoạch): Phối hợp lập kế hoạch đấu thầu (danh mục, số lượng, phân chia gói thầu, giá kế hoạch); lập hồ sơ mời thầu, soạn thảo, tham mưu các văn bản liên quan đến kế hoạch đấu thầu. Thông báo mời thầu, bán hồ sơ mời thầu, đóng và mở thầu, xác định giá đánh giá...

5. Ông Nguyễn Thanh N5 - Chuyên viên Văn phòng Sở Y (nhóm lập kế hoạch đấu thầu): Thực hiện rà soát giá thuốc để lập kế hoạch đấu thầu; kỹ thuật tin học phục vụ đấu thầu... ”.

Căn cứ vào nhiệm vụ được phân công, trên cơ sở số liệu báo cáo của các cơ sở trực thuộc Sở Y tế, Nguyễn Xuân H2 đã tổng hợp, lập ra Danh mục gói thầu thuốc theo tên G gồm 1.252 mặt hàng thuốc với tổng giá trị thành tiền 343.475.377.126 đồng. Căn cứ vào nhiệm vụ mà Nguyễn Đình D được giao tham gia phối hợp trong việc rà soát danh mục, giá kế hoạch đấu thầu nên trong quá trình tổng hợp, hoàn thiện Danh mục này, thì ngày 25-02-2014, Nguyễn Xuân H2 đã gửi thư điện tử từ hộp thư điện tử haiduoc1969@gmail.comhộp thư điện tử dinhdiemhpt@gmail.com báo cáo việc phân nhóm các mặt hàng thuốc. Ngày 04-4-2014, Nguyễn Xuân H2 sử dụng hộp thư điện tử haiduoc1969@gmail.comDanh mục kế hoạch đấu thầu thuốc, nhóm Generic gồm 1.252 mặt hàng đến hộp thư điện tử huyennguyenhuu@gmail.comNguyễn Hữu H để báo cáo. Ngày 14-4-2014, Nguyễn Xuân H2 gửi Danh mục kế hoạch đấu thầu thuốc, nhóm Generic gồm 1.252 mặt hàng đến hộp thư điện tử namnguyen84@gmail.comNguyễn Thanh Nam để phối hợp rà soát các mặt hàng thuốc theo Thông tư số 31/2011/TT-BYT ngày 11-7-2011 của Bộ Y Ban hành và hướng dẫn thực hiện Danh mục thuốc chủ yếu sử dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được Quỹ Bảo hiểm y tế thanh toán. Danh mục gói thầu thuốc theo tên G gồm 1.252 mặt hàng do Nguyễn Xuân H2 lập đã được Sở Y tế gửi đến một số Công ty Dược phẩm để lấy báo giá phục vụ đấu thầu; trong đó: Hoạt chất Meloxicam 15mg xếp Nhóm 2; các hoạt chất: Calcium gluconolactat + Calcium carbonat 0,3 g + 2,94 g; Cefuroxim 125 mg; Paracetamol 80 mg; Paracetamol 150 mg; Paracetamol 250 mg, Vitamin C 1000 mg, xếp Nhóm 3; hoạt chất Diclofenac 75mg xếp nhóm 3 và nhóm 5; Hoạt chất Diacerein 50mg xếp nhóm 3; Các hoạt chất Meropenem 500mg, Sucralfat 1g/5ml xếp nhóm 1; Hoạt chất Enoxaparin (N6) 60mg xếp nhóm 2; hoạt chất Amoxcillin + Acid clavulanic 875mg + 125 mg xếp nhóm 1 và nhóm 3; hoạt chất Ceficim (C6) 200mg xếp nhóm 2 và nhóm 3, theo quy định tại Thông tư số 36/2013/TTLT-BYT-BTC ngày 11/11/2013 của Bộ Y - Bộ T6 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BYT-BTC19/01/2012 của Bộ Y - Bộ T6 Hướng dẫn đấu thầu mua thuốc trong các cơ sở y tế (Viết gọn: Thông tư số 36; có hiệu lực từ ngày 01-01-2014 đến ngày 01-7-2016).

Ngày 08-4-2014, Doãn Hữu L2 ký Tờ trình số 01/SYT-TCGĐT gửi Hội đồng thẩm định kế hoạch đấu thầu về việc thẩm định kế hoạch đấu thầu mua sắm thuốc năm 2014-2015, với tổng 03 gói thầu đề nghị thẩm định trình phê duyệt kế hoạch là 426.799.333.485 đồng. Trong đó, tổng giá trị kế hoạch của gói thầu thuốc Generic là 343.475.377.126 đồng, nhưng tờ trình này không được Hội đồng thẩm định kế hoạch đấu thầu triển khai để thẩm định trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu thuốc 2014-2015, với lý do bổ sung, hoàn thiện lại Danh mục thuốc cho đúng nhu cầu tình hình sử dụng thực tế của các đơn vị. Do đó, ngày 15-4-2014, Nguyễn Hữu H ký tham mưu cho Doãn Hữu L2 ký ban hành Công văn số 327/SYT-NVY gửi các cơ sở Y tế về việc rà soát và bổ sung thuốc mới phát sinh năm 2013 để xây dựng kế hoạch đấu thầu 2014-2015. Toàn bộ nội dung tập hợp số liệu danh mục

thuốc từ các cơ sở Y tế công lập báo cáo, được giao cho Nguyễn Xuân H2 tham mưu thực hiện. Tuy nhiên, trong quá trình Nguyễn Xuân H2 đang tập hợp số liệu từ các các cơ sở Y tế báo cáo lên theo nội dung Công văn số 327/SYT-NVY chưa có kết quả, thì Cao Thị N1 được giao tổng hợp một Danh mục gói thầu Generic mới, thay đổi nhóm, hàm lượng, số lượng nhiều mặt hàng thuốc so với Danh mục 1252 mặt hàng thuốc do Nguyễn Xuân H2 tổng hợp, cụ thể: Ngày 26-4-2014, Cao Thị N1 đã gửi “*Bảng báo giá thuốc theo tên G*” gồm 1209 mặt hàng từ hộp thư Caothinh67@gmail.com địa chỉ haiduoc1969@gmail.com Nguyễn Xuân H2, trong đó nhiều mặt hàng thuốc đã bị thay đổi nhóm, hàm lượng, số lượng với tổng giá trị thành tiền là 448.698.691.424 đồng. Ngày 01-5-2014, N1 gửi thư điện tử từ địa chỉ Caothinh67@gmail.com địa chỉ thư điện tử huyennguyenhuu@gmail.com Nguyễn Hữu Huyền, với chủ đề “*Gui anh danh mục thuốc 2014 trình anh cả 2 phai để anh xem xét*” (“Gửi anh danh mục thuốc 2014 trình anh cả 2 file để anh xem xét”). Cùng ngày, N1 gửi thư điện tử từ địa chỉ Caothinh67@gmail.com địa chỉ thư điện tử haiduoc1969@gmail.com Nguyễn Xuân H2, với chủ đề “*Danh mc thuoc ca 2 phai để em kt*” (“Danh mục thuốc cả 2 file để em kiểm tra”). Các tài liệu mà N1 gửi cho H và H2 gồm: (1) Bảng báo giá thuốc theo tên Generic 2014, gồm 1.252 mặt hàng, có biểu tượng logo của Công ty TNHH D3, (2) Danh mục gói thầu thuốc theo tên Generic 2014, gồm 1.197 mặt hàng đã bị Cao Thị N1 đổi nhóm, đổi hàm lượng, thay thế một số mặt hàng thuốc, có tổng giá trị thành tiền là 447.526.430.905 đồng (tương tự với “Bảng báo giá thuốc theo tên G” gồm 1209 mặt hàng mà N1 gửi cho H2 vào ngày 26-4-2014, có điều chỉnh nhỏ về số lượng mặt hàng), (3) Bảng báo giá thuốc theo tên Generic 2014 của Công ty D4 (Bamepharm) gồm 1.252 mặt hàng giống thông tin như Nguyễn Xuân H2 tổng hợp ban đầu và (4) Danh mục gói thuốc Generic 1.245 mặt hàng có ghi chú của Cao Thị N1 ở cuối trang: “*Kính gửi anh H: Danh mục thuốc xây dựng trên nền danh mục cũ, có một số thuốc e bôi xanh là thuốc đã chuyển nhóm nhưng vẫn để lại nhóm cũ tổng thứ tự 1245 loại, và một phai danh mục những thuốc đã chuyển nhóm không còn để lại ở nhóm cũ vì thế còn 1197 lại trình anh xem xét khi nào được anh báo cho em với để e triển khai lấy báo giá cảm ơn anh nhiều*”. Trong danh mục 1245 mặt hàng này ngoài thuốc được bôi xanh, thì còn nhiều mặt hàng thuốc được đánh dấu bôi màu vàng.

Kết quả điều tra xác định các thuốc bôi màu vàng hầu hết là những mặt hàng thuốc được thêm mới, trong danh mục 1252 mặt hàng Nguyễn Xuân H2 lập ban đầu không có. Còn thuốc bôi màu xanh như ghi chú của Cao Thị N1 là thuốc đã chuyển nhóm, thay thế, đổi hàm lượng trùng với các ghi chú “*Đổi nhóm, thay thế, đổi hàm lượng*” đã thể hiện trong tài liệu (1) Bảng báo giá thuốc theo tên Generic 2014, gồm 1.252 mặt hàng, có biểu tượng logo của Công ty TNHH D3.

Cao Thị N1 trình bày: “Bảng báo giá thuốc theo tên Generic 2014”, gồm 1.252 mặt hàng, có biểu tượng logo của Công ty TNHH D3 là do đại diện Công ty D3 gửi Mail đến (N1 không nhớ người gửi tài liệu này là ai và đến nay không thu được dữ liệu từ hộp thư điện tử). Trong Danh mục này tại cột “Ghi chú” có: 37 mặt hàng thuốc ghi “Đổi nhóm”; 20 mặt hàng thuốc ghi “Đổi hàm lượng” hoặc “Hàm lượng”; có 07 mặt hàng thuốc ghi “Thay thế”; có 07 mặt hàng thuốc ghi “Tăng số

lượng”; ngoài ra, có cột “Nhóm HV” có tổng cộng 123 mặt hàng thuốc được xếp nhóm thuốc kèm theo ghi chú đổi nhóm, trong đó các hoạt chất có mặt hàng thuốc mà nhà thầu Liên doanh Hoàng V1 - P và nhà thầu Liên danh Công Thành - T - V được phê duyệt trúng thầu sai nhóm, ngay từ khâu tổng hợp Danh mục, Cao Thị N1 đã đánh dấu và ghi chú “*Đổi nhóm, bỏ hàm lượng hoặc tăng số lượng*” theo ghi chú tại cột “Nhóm HV”.

Trên cơ sở tổng hợp điều chỉnh thì “Danh mục gói thầu thuốc theo tên Generic 2014”, gồm 1.197 mặt hàng đã bị Cao Thị N1 đổi nhóm, bỏ nhóm, đổi hàm lượng, thay thế một số mặt hàng thuốc, có tổng giá trị thành tiền là 447.526.430.905 đồng. Danh mục này đã thay đổi, bổ sung thêm mới 93 mặt hàng thuốc và loại bỏ giảm 149 mặt hàng thuốc tại các nhóm thuốc so với Danh mục 1252 mặt hàng thuốc tổng hợp ban đầu; trong đó các hoạt chất Meloxicam 15mg, C2 gluconolactat + Calcium carbonat 0,3 g + 2,94 g; Cefuroxim 125 mg; Paracetamol 80 mg; Paracetamol 150 mg; Paracetamol 250 mg, Vitamin C 1000 mg, xếp Nhóm 2; hoạt chất Diclofenac 75mg xếp nhóm 1 và nhóm 3 (thêm nhóm 1, bỏ nhóm 5); Hoạt chất Diacerein 50mg xếp nhóm 2 (bỏ nhóm 3); các hoạt chất Meropenem 500mg, Sucralfat 1g/5ml xếp nhóm 1; Hoạt chất Enoxaparin (N6) 60mg xếp nhóm 2; hoạt chất Amoxicillin + Acid clavulanic 875mg + 125 mg xếp nhóm 1, nhóm 2 và nhóm 3 (thêm mới nhóm 2); hoạt chất Cefixim 200mg xếp nhóm 2, nhóm 3 và nhóm 5 (thêm mới nhóm 5); Như vậy các hoạt chất Calcium gluconolactat + Calcium carbonat 0,3 g + 2,94 g; Cefuroxim 125 mg; Paracetamol 80 mg; Paracetamol 150 mg; Paracetamol 250 mg, Vitamin C 1000 mg, Diclofenac 75mg A + Acid clavulanic 875mg + 125 mg, Cefixim 200mg đã thay đổi nhóm thuốc, bỏ nhóm hoặc bổ sung nhóm thuốc so với Danh mục 1252 mặt hàng do Nguyễn Xuân H2 tổng hợp ban đầu trên cơ sở báo cáo của các cơ sở y tế công lập vào năm 2013; các hoạt chất còn lại Meloxicam 15mg, Diacerein 50mg, Meropenem 500mg, Sucralfat 1g/5ml, E (Natri) mặc dù vẫn giữ nguyên nhóm thuốc so với Danh mục 1252 mặt hàng thuốc nhưng đã được Cao Thị N1 đánh dấu xếp theo “Nhóm HV” và ghi chú các thông tin trong quá trình lập danh mục kế hoạch đấu thầu.

Sau khi gửi Danh mục cho Nguyễn Xuân H2, Nguyễn Hữu H và thống nhất điều chỉnh, thay đổi Danh mục đấu thầu gói thầu thuốc Generic, thì tiến hành hợp thức bằng cách gửi cho các Công ty Dược phẩm để lấy lại báo giá đối với Danh mục 1.197 mặt hàng và gửi cho các Công ty thẩm định giá để tiến hành thẩm định giá. Sau đó, Danh mục gói thầu thuốc Generic do Cao Thị N1 tổng hợp gồm 1.197 mặt hàng và được các thành viên trong nhóm lập kế hoạch đấu thầu gồm Cao Thị N1, Nguyễn Hữu T2, Nguyễn Thanh N5 và Nguyễn Xuân H2 ký xác nhận để trình Hội đồng Thẩm định kế hoạch đấu thầu.

Ngày 27-5-2014, Cao Thị N1 tham mưu soạn thảo báo cáo Nguyễn Hữu H - Tổ trưởng Tổ Chuyên gia ký rà soát tham mưu cho Doãn Hữu L2 ký ban hành Tờ trình số 128/TTr-TCG gửi Hội đồng Thẩm định kế hoạch đấu thầu về việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua thuốc khám chữa bệnh trong các cơ sở công lập năm 2014-2015, với tổng mức đầu tư của ba gói thầu là 517.917.317.306 đồng; trong đó tổng giá trị mua thuốc theo tên G là 432.669.534.902 đồng, so với Danh mục 1.252

mặt hàng Nguyễn Xuân H2 tổng hợp ban đầu kèm theo Tờ trình số 01/SYT-TCGĐT ngày 08-4-2014 thì Danh mục 1.197 mặt hàng do Cao Thị N1 tổng hợp có chênh lệch tổng giá trị gói thầu generic là 89.194.157.776 đồng = (432.669.534.902 đồng - 343.475.377.126 đồng).

Danh mục gói thầu Generic kèm theo Tờ trình 128/TTr-TCG ngày 27-5-2014 đã được Hội đồng thẩm định kế hoạch đấu thầu chỉ ra một số nội dung không đúng quy định về căn cứ lập kế hoạch đấu thầu tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 01/2012/TT cụ thể: Tại Báo cáo số 01/BC-HĐTĐ ngày 10-6-2014 có nêu nội dung: *Chưa có các tài liệu dùng làm căn cứ lập kế hoạch như: Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện kế hoạch đấu thầu mua thuốc của năm trước liền kề và giải trình tóm tắt kế hoạch đấu thầu mua thuốc; Bản dự trù từng mặt hàng của từng đơn vị.*

Ngày 19-6-2014, Hội đồng Thẩm định kế hoạch đấu thầu tiếp tục có Báo cáo số 02/BC-HĐTĐ, có nội dung: *Đề nghị đối với Tổ Chuyên gia đấu thầu: Trong gói thuốc Generic có 10 mặt hàng trong đơn vị tính ghi “Chai nút đôi” là chưa đúng với quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 19-01-2012, đề nghị Tổ Chuyên gia đấu thầu chỉnh sửa lại cho đúng quy định. Số lượng từng mặt hàng trong gói thầu có điều chỉnh tăng, giảm so với dự trù của các đơn vị, đề nghị Tổ Chuyên gia đấu thầu nêu rõ căn cứ về sự điều chỉnh số lượng này. Báo cáo thẩm định này là căn cứ để Chủ đầu tư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh cho các cơ sở Y tế công lập năm 2014-2015, trên cơ sở đã chỉnh sửa các nội dung theo đề nghị của Hội đồng Thẩm định.* Đến nay, trong hồ sơ đấu thầu không có tài liệu của Tổ Chuyên gia giải trình làm rõ những yêu cầu của Hội đồng Thẩm định kế hoạch đấu thầu tại Báo cáo số 01 và căn cứ về sự điều chỉnh số lượng từng mặt hàng trong gói thầu so với dự trù của các đơn vị nêu tại Báo cáo số 02. Quá trình thẩm định kế hoạch đấu thầu, do không làm rõ nội dung đã nêu tại Báo cáo số 01, Báo cáo số 02 nên Hội đồng Thẩm định kế hoạch đấu thầu không phát hiện ra nhiều mặt hàng thuốc, trong đó có các hoạt chất Calcium gluconolactat + Calcium carbonat 0,3 g + 2,94 g; Cefuroxim 125 mg; Paracetamol 80 mg; Paracetamol 150 mg; Paracetamol 250 mg; Vitamin C 1000 mg; Diclofenac 75mg, A2 + Acid clavulanic 875mg + 125 mg, Cefixim 200mg có sự điều chỉnh thay đổi nhóm thuốc so với thực tế tình hình sử dụng thuốc mà các đơn vị trực thuộc Sở Y tế đã báo cáo như Danh mục 1.252 mặt hàng mà Nguyễn Xuân H2 đã thống kê ban đầu.

Căn cứ Báo cáo số 02/BC-HĐTĐ ngày 19-6-2014 của Hội đồng Thẩm định kế hoạch đấu thầu, cùng ngày 19-6-2014, Nguyễn Hữu T2 - Tổ phó Tổ chuyên gia, Phụ trách nhóm lập và trình duyệt kế hoạch đấu thầu đã tham mưu cho Đoàn Hữu L2 ký ban hành Tờ trình số 166/TTr-SYT đề nghị UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt Kế hoạch đấu thầu thuốc năm 2014-2015. Ngày 25-6-2014, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1355/QĐ-UBND về việc Phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua thuốc khám, chữa bệnh trong các cơ sở Y tế công lập năm 2014-2015; tên dự án: Mua thuốc khám, chữa bệnh trong các cơ sở Y tế công lập năm 2014-2015; chủ đầu tư: Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk; tổng vốn đầu tư: 517.917.317.306 đồng, đồng ý mua các loại thuốc (bao gồm số thuốc trên) theo đề xuất của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk; thời

gian thực hiện: 365 ngày; hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, xét theo mặt hàng.

Cùng với việc thẩm định và đề nghị phê duyệt kế hoạch đấu thầu, căn cứ Quyết định số 2712/QĐ-UBND ngày 24-12-2013 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2014 cho các đơn vị dự toán thuộc ngân sách Nhà nước; ngày 27-5-2014, Cao Thị N1 soạn thảo văn bản, Nguyễn Hữu T2 rà soát tham mưu cho Doãn Hữu L2 ký ban hành Tờ trình số 110/SYT-TCKT gửi Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk xin phê duyệt giá dự toán mua thuốc khám chữa bệnh trong các cơ sở Y tế công lập năm 2014-2015, với tổng vốn đầu tư: 517.917.317.306 đồng, trong đó Danh mục gói thuốc theo tên G có chữ ký xác nhận của các thành viên nhóm lập kế hoạch đấu thầu gồm: Nguyễn Hữu T2, Cao Thị N1, Nguyễn Xuân H2, Nguyễn Thanh N5 với 1.197 mặt hàng thuốc có tổng giá trị thành tiền là 432.669.534.902 đồng. Xử lý Tờ trình số 110/SYT-TCKT của Sở Y, ngày 10-7-2014 Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk ban hành Tờ trình số 292/TTr-STC đề nghị UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt giá dự toán mua thuốc khám chữa bệnh trong các cơ sở công lập năm 2014-2015 với tổng giá trị dự toán mua sắm là 473.676.380.000 đồng, trong đó gói thầu thuốc Generic là 397.537.139.000 đồng; ngày 14-7-2014, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 1575/QĐ-UBND về việc Phê duyệt giá trị mua thuốc khám chữa bệnh trong các cơ sở Y tế công lập năm 2014-2015 với giá trị dự toán 473.676.380.000 đồng, trong đó: Gói thuốc theo tên G: 397.537.139.000 đồng; gói thuốc theo tên biệt dược: 16.153.135.000 đồng; gói thuốc đông y, thuốc từ dược liệu: 59.986.106.000 đồng; nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước; thời gian thực hiện năm 2014-2015. Các Danh mục gói thuốc theo tên G kèm theo Tờ trình số 110/SYT-TCKT, Tờ trình số 292/TTr-STC, Quyết định số 1575/QĐ-UBND đề tên theo hoạt chất, tên thương mại, nhà sản xuất, nước sản xuất, số đăng ký, trong đó có các hoạt chất là các mặt hàng thuốc sau khi có kết quả đấu thầu đã được Sở Y tế phê duyệt xét duyệt trúng thầu sai nhóm trong vụ án.

Sau khi tổ chức đấu thầu thuốc tập trung cho nhu cầu sử dụng của các cơ sở Y tế công lập năm 2014-2015, chỉ có 53,22% mặt hàng trong gói thầu có nhà thầu trúng thầu nên chỉ đáp ứng được $\frac{1}{2}$ nhu cầu thuốc khám, chữa bệnh, tình trạng thiếu thuốc cấp thiết xảy ra tại nhiều cơ sở Y tế trực thuộc. Ngày 09-01-2015, Doãn Hữu L2 tổ chức họp với các T4, Phó Phòng nghiệp vụ, Giám đốc Bệnh viện, Kế toán trưởng và Trưởng khoa Dược của các Bệnh viện trực thuộc để hướng dẫn công tác lập dự trù thuốc trong đấu thầu đảm bảo cung ứng thuốc cho đơn vị. Ngày 14-01-2015, Nguyễn Hữu T2 tham mưu cho Doãn Hữu L2 ký ban hành Công văn số 05/SYT-TCKT gửi các cơ sở Y tế công lập, đề nghị lập dự trù thuốc đã có trong danh mục trúng thầu cần bổ sung số lượng và thuốc đã có trong danh mục kế hoạch đấu thầu, nhưng không có nhà thầu trúng thầu. Sau khi có kết quả đấu thầu, tình trạng thiếu thuốc cấp bách xảy ra tại các cơ sở Y tế công lập; ngày 16-3-2015, Sở Y thành lập Đoàn kiểm tra 186 theo Kế hoạch số 47/KH-SYT về việc kiểm tra tình hình cung ứng và sử dụng thuốc tại các Bệnh viện; tại Báo cáo số 72 /BC-ĐKT ngày 03-4-2015 đã đánh giá tình hình cung ứng và sử dụng thuốc sau khi có kết quả phê duyệt lựa chọn nhà thầu, trong đó nêu nội dung như thuốc trúng thầu

có giá thấp, nhưng quá trình sử dụng đã gây ra phản ứng có hại như sốc phản vệ, các thuốc trúng thầu, nhưng quy cách đóng gói, hàm lượng không đúng với nhu cầu sử dụng tại bệnh viện; các thuốc trúng thầu nhưng số lượng ít hơn dự trữ của các bệnh viện dẫn đến phân khai không đủ nhu cầu sử dụng. Đoàn Thanh tra cũng kết luận nội dung “... Với danh mục thuốc trúng thầu, số lượng phân khai và nguồn thuốc dự trữ hiện nay chỉ sẽ đáp ứng được nguồn thuốc cho khám chữa bệnh tại các bệnh viện đến hết tháng 4-2015”.

Ngày 02-4-2015, Phòng Tài chính kế toán tham mưu cho Doãn Hữu L2 ký Tờ trình số 84/TTr-SYT về việc xin điều chỉnh kế hoạch đấu thầu gói thuốc theo tên Generic năm 2014-2015, với 05 nội dung xin điều chỉnh:

“1. Điều chỉnh về số lượng của các mặt hàng trong kế hoạch đấu thầu cho phù hợp với tình hình thực tế sử dụng tại các đơn vị.

2. Điều chỉnh về giá 155 mặt hàng của gói thầu thuốc theo tên G cho phù hợp với giá cả thị trường tại thời điểm hiện tại.

3. Điều chỉnh 15 mặt hàng còn sai tên so với Thông tư 40/2013/TT-BYT

4. Điều chỉnh hàm lượng của 01 mặt hàng do ghi sai hàm lượng

5. Điều chỉnh đơn vị tính của 01 mặt hàng do ghi nhầm đơn vị”.

Ngày 06-4-2015, UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt Tờ trình 84/TTr-SYT của Sở Y tế tại Quyết định 802/QĐ-UBND. Ngày 07-4-2015, Sở Y có Tờ trình 88/TTr-SYT gửi UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt lại giá dự toán một số mặt hàng của gói thầu thuốc theo tên Generic năm 2014-2015. Ngày 25-5-2015, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định 1255/QĐ-UBND về việc phê duyệt lại giá dự toán một số mặt hàng của gói thầu thuốc theo tên Generic năm 2014-2015 của Sở Y.

Do đó, sai phạm từ khâu lập kế hoạch đấu thầu là cố ý và nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng thiếu thuốc cấp bách sau khi có kết quả đấu thầu; trong thời gian 365 ngày thực hiện Dự án được phê duyệt theo Quyết định số 1355/QĐ-UBND thì căn cứ khoản 5 Điều 79 Nghị định số 163/NĐ-CP, Sở Y tế có thêm 04 lần làm Tờ trình do Doãn Hữu L2 ký gửi UBND tỉnh Đắk Lắk về việc xin chủ trương chỉ định thầu cung ứng bổ sung số lượng thuốc phục vụ công tác khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế năm 2014-2015, đều được UBND tỉnh Đắk Lắk đồng ý, cụ thể:

Lần 1: Tờ trình số 42/TTr-SYT ngày 04-3-2015; các Quyết định chỉ định thầu số 177, 178, 179 và số 180/QĐ-SYT ngày 13-3-2015 với tổng giá trị thực hiện là 29.273.900.412 đồng.

Lần 2: Tờ trình số 78/TTr-SYT ngày 31-3-2015, 04 đợt phân khai, cụ thể:

- Các quyết định chỉ định thầu số 255, 256, 257, 258, 259, 260, 261, 262 và số 268/QĐ-SYT ngày 08-4-2015, với tổng giá trị thực hiện là 39.742.900.783 đồng.

- Quyết định chỉ định thầu số 273/QĐ-SYT ngày 14-4-2015, với tổng giá trị thực hiện là 246.722.500 đồng.

- Các quyết định chỉ định thầu số 681, 682, 683, 684, 685, 686 và số 687/QĐ-SYT ngày 15-6-2015, với tổng giá trị thực hiện là 84.781.527.445 đồng.

- Các quyết định chỉ định thầu số 753, 754 và số 755/QĐ-SYT ngày 30-6-2015, với tổng giá trị thực hiện là 873.246.000 đồng.

Lần 3: Tờ trình số 193/TTr-SYT ngày 25-6-2015; các Quyết định số 844, 845, 846, 847, 848, 849, 850, 851, 852, 853, 854 và số 855/QĐ-SYT ngày 13-7-2015, với tổng giá trị thực hiện là 26.266.725.408 đồng.

Lần 4: Tờ trình số 330/TTr-SYT ngày 23-10-2013; các Quyết định chỉ định thầu 1407, 1408, 1409... 1419/QĐ-SYT ngày 29-10-2015, với tổng giá trị 47.077.442.618 đồng.

Số lượng các mặt hàng thuốc mà 23 cơ sở Y tế công lập đã sử dụng theo các quyết định phê duyệt trúng thầu và 04 lần chỉ định thầu cung ứng bổ sung số lượng thuốc cho nhu cầu sử dụng tăng thêm của các đơn vị trong ngành Y tế, gói thầu thuốc theo tên G: Thuộc dự án mua thuốc khám chữa bệnh trong các cơ sở Y tế công lập năm 2014-2015, gây hậu quả thiệt hại cho ngân sách Nhà nước.

1.2. Hành vi của Nguyễn Đình D.

Với vai trò là Phó trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ Dược, thành viên, tổ phó, thư ký Tổ Chuyên gia đấu thầu, Nguyễn Hữu Huyền giao thêm cho Nguyễn Đình Diệm nhiệm vụ: *“DS Diệm đã có kinh nghiệm trong công tác đấu thầu, đề nghị tham gia phối hợp trong việc rà soát danh mục, giá kế hoạch”*. Tài liệu điều tra: Trong quá trình lập kế hoạch đấu thầu; ngày 25-02-2014, Nguyễn Xuân H2 gửi thư từ hộp thư điện tử haiduoc1969@gmail.comhộp thư điện tử dinhdiemhpt@gmail.com báo cáo việc phân nhóm thuốc từ số liệu báo cáo của các cơ sở khám chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế cho D, trong đó hoạt chất Meloxicam 15mg xếp Nhóm 2; các hoạt chất: Calcium gluconolactat + Calcium carbonat 0,3 g + 2,94 g; Cefuroxim 125 mg; Paracetamol 80 mg; Paracetamol 150 mg; Paracetamol 250 mg, Vitamin C 1000 mg, xếp Nhóm 3; hoạt chất Diclofenac 75mg xếp nhóm 3 và nhóm 5; Hoạt chất Diacerein 50mg xếp nhóm 3; Các hoạt chất Meropenem 500mg, Sucralfat 1g/5ml xếp nhóm 1; Hoạt chất Enoxaparin (N6) 60mg xếp nhóm 2; hoạt chất Amoxicillin + Acid clavulanic 875mg + 125 mg xếp nhóm 1 và nhóm 3; hoạt chất C3 (C) 200 mg xếp nhóm 2 và nhóm 3.

Trích xuất dữ liệu máy tính của Nguyễn Đình D trong thư mục “F:/Thau 2014”: Dữ liệu in từ file: “DM2014-đang xây dựng.xls”, dung lượng: 217Kb, tên văn bản “DANH MỤC THUỐC GENERIC ĐẤU THẦU TẬP TRUNG NĂM 2014-2015 (Xin báo giá), trong đó thông tin tại mục: “ NHÓM THUỐC SẢN XUẤT TẠI CÁC CƠ SỞ SẢN XUẤT ĐẠT TIÊU CHUẨN WHO-GMP ĐƯỢC BỘ Y1 (CỤC Q1) CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN” thì các mặt hàng thuốc Calcium gluconolactat + Calcium carbonat 0,3 g + 2,94 g; Cefuroxim 125 mg; Paracetamol 80 mg; Paracetamol 150 mg; Paracetamol 250 mg, Vitamin C 1000 mg được xếp Nhóm 3 theo Thông tư số 36. Tuy nhiên, quá trình Diệm tham mưu xây dựng hồ sơ mời thầu thì Danh mục gói thầu thuốc theo tên G gồm 1.197 mặt hàng thuốc đã bị đổi nhóm, hàm lượng, thay thế nhiều mặt hàng thuốc, so với Danh mục các mặt hàng do Nguyễn Xuân H2 tổng hợp ban đầu trên cơ sở báo cáo của các cơ sở Y tế công lập vào năm 2013 đã gửi cho D phối hợp rà soát, xin ý kiến về việc phân nhóm thuốc.

Hồ sơ mời thầu do Nguyễn Đình D tham mưu soạn thảo và được gửi cho Nguyễn Hữu H, Nguyễn Hữu T2 góp ý xây dựng, hoàn thiện. Căn cứ Quyết định số 376a/QĐ-SYT ngày 15-7-2014 của Giám đốc Sở Y tế về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu thuốc theo tên G, phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu được tiến hành đánh giá gồm 03 bước theo quy định tại Mục 24, Mục 25 và Mục 26 bảng dữ liệu đấu thầu.

Tại Kế hoạch làm việc ngày 06-8-2014, kèm theo Quyết định số 262/QĐ-SYT ngày 15-6-2014 của Giám đốc Sở Y tế về việc thành lập Tổ Chuyên gia đấu thầu, Nguyễn Hữu H đã có Bảng phân công nhiệm vụ xét điều kiện tiên quyết cho các thành viên Tổ Chuyên gia. Trong đó, Nguyễn Đình D được giao nhiệm vụ phụ trách nhóm xét thầu và trực tiếp thực hiện xét điều kiện tiên quyết lần 1 của nhà thầu Liên danh Hoàng Vũ P (gói thầu G) và Nguyễn Xuân H2 xét lại lần 2.

Theo biểu mẫu phiếu xét điều kiện tiên quyết và năng lực kinh nghiệm của nhà thầu do Nguyễn Đình D soạn thảo cho các thành viên thực hiện gồm 02 phần là xét điều kiện tiên quyết (gồm xét hồ sơ dự thầu và mặt hàng dự thầu), xét năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu. Tuy nhiên, quá trình xét điều kiện tiên quyết và năng lực kinh nghiệm của Nhà thầu tại Bước 1 (trong đó có 10 mặt hàng thuốc Elaria, Medozopen 500mg, S gel, Calcium Stada 500 mg, C4 kid, Meloxicam Stada 15mg, P, Partamol 150, P, Vitamin C Stada 1G của nhà thầu Liên doanh H11 và 04 mặt hàng thuốc Alclav, T5, B3, Maxocéf 200 của nhà thầu Liên danh Công Thành - TaTa - V có hồ sơ dự thầu sai nhóm), theo D trình bày các thành viên chỉ thực hiện xét về hồ sơ dự thầu và năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu; không tiến hành xét mặt hàng dự thầu nhằm phân loại, chọn mặt hàng đủ điều kiện để tiến hành đánh giá kỹ thuật (Bước 2), vì nếu xét mặt hàng không đạt thì phải loại toàn bộ hồ sơ của nhà thầu dự thầu. Tuy nhiên, tại Biên bản xét thầu ngày 06-10-2014 và Báo cáo số 01/BC-TCG ngày 06-10-2014 của Tổ Chuyên gia **lại kết luận**: Xét Bước 1 kết quả đánh giá về tính hợp lệ và sự đầy đủ, đáp ứng điều kiện tiên quyết của mặt hàng dự thầu, trong đó nhà thầu Liên doanh Hoàng V1 - H11 có 355/412 mặt hàng (trong đó có 10 hồ sơ mặt hàng dự thầu sai nhóm) đạt điều kiện tiên quyết, nhà thầu Liên danh C - T - V 66/77 mặt hàng (trong đó có 04 hồ sơ mặt hàng dự thầu sai nhóm) đạt điều kiện tiên quyết được chuyển qua đánh giá về mặt kỹ thuật (xét Bước 2).

Nguyễn Hữu H khai: Việc phụ trách và phân công nhiệm vụ cho các nhóm xét thầu do Nguyễn Đình D thực hiện. Nguyễn Hữu H không biết tại Bước 1 Tổ chuyên gia có thực hiện chấm điều kiện tiên quyết của mặt hàng như Báo cáo số 01/BC-TCG ngày 06-10-2014 là nhà thầu Liên danh Công Thành - T - V có 66/77 mặt hàng đạt điều kiện tiên quyết; nhà thầu Liên doanh Hoàng V1 - Pymepharco có 355/412 mặt hàng đạt điều kiện tiên quyết được chuyển qua chấm bước kỹ thuật; thực tế không có phiếu chấm về điều kiện tiên quyết của mặt hàng dự thầu theo quy định tại khoản 2 mục 24 chương II Bảng dự liệu đấu thầu/HSMT (mặt hàng thuốc tham dự thầu đúng quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 37/2013/TT-BYT).

Quá trình thực hiện nhiệm vụ phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các thành viên nhóm chấm thầu (theo Bảng phân công nhiệm vụ ngày 16-6-2014 và

ngày 18-8-2014 của Tổ Chuyên gia đấu thầu), các nhóm chấm thầu hồ sơ dự thầu của Liên danh Hoàng V1 - P (L, Tô Thị H8) và Liên danh C7 (Võ Văn H9, Trần Việt H10) tự ý chia mặt hàng ra chấm không đúng theo nhiệm vụ được phân công, nhưng Nguyễn Đình D không kiểm tra, giám sát nhưng vẫn đồng ý sử dụng kết quả chấm thầu để đề nghị trúng thầu.

Các sai phạm của Nguyễn Hữu H, Cao Thị N1, Nguyễn Xuân H2 và Nguyễn Đình D trong khâu chuẩn bị đấu thầu, xây dựng hồ sơ mời thầu là nguyên nhân chính dẫn đến hậu quả sau khi có kết quả đấu thầu việc phân khai thuốc không đáp ứng đúng tình hình sử dụng thuốc tại các cơ sở Y tế công lập, dẫn đến trong năm 2015 khi không đủ điều kiện, nhưng buộc Sở Y phải áp dụng hình thức chỉ định thầu để lựa chọn nhà thầu cung ứng bổ sung thêm thuốc và một số cơ sở Y tế trực thuộc phải mua thêm thuốc vượt số lượng được phân khai để phục vụ công tác khám, chữa bệnh, trong đó có các mặt hàng thuốc: Elaria, Medozopen 500mg, S gel (thuốc nhóm 5 trúng thầu nhóm 1), các mặt hàng thuốc: Calcium Stada 500mg, Cefustad kid, Meloxicam Stada 15mg, P, Partamol 150, P, Vitamin C 1g (thuốc nhóm 3 trúng thầu nhóm 2), các mặt hàng thuốc Alclav, T5, B3, Maxocéf 200 (thuốc nhóm 5 trúng thầu nhóm 2) được Sở Y tế phê duyệt trúng thầu sai nhóm thuốc và được các cơ sở Y tế công lập mua và sử dụng theo các quyết định phê duyệt trúng thầu và các quyết định chỉ định thầu cung ứng bổ sung trong thời hạn 365 ngày thuộc Dự án đấu thầu mua thuốc khám, chữa bệnh năm 2014-2015, gây hậu quả thiệt hại cho ngân sách Nhà nước, với tổng giá trị thiệt hại là 13.840.468.874 đồng.

2. Hành vi Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng của Doãn Hữu L2 và Nguyễn Hữu T2.

Nguyễn Hữu T2 là Trưởng phòng Phòng Tài chính kế toán, tổ phó Tổ Chuyên gia, được phân công phụ trách nhóm lập kế hoạch đấu thầu (theo Quyết định số 864/QĐ-SYT ngày 28-10-2013, Quyết định số 262/QĐ-SYT ngày 15-6-2014 của Giám đốc Sở Y) đã thiếu kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn đối với Cao Thị N1 và Nguyễn Xuân H2 là các thành viên Tổ Chuyên gia thuộc Nhóm lập kế hoạch đấu thầu, dẫn đến không phát hiện được hành vi vi phạm của Cao Thị N1 và Nguyễn Xuân H2 trong việc lập danh mục thuốc đấu thầu, tự ý đổi nhóm, bỏ nhóm, tăng số lượng, thêm mới đối với nhiều mặt hàng thuốc trong quá trình lập Danh mục kế hoạch đấu thầu gói thầu thuốc Generic không đúng với nhu cầu sử dụng theo báo cáo của các đơn vị và không đúng quy định về căn cứ lập kế hoạch đấu thầu. Ngoài ra, Nguyễn Hữu T2 trực tiếp ký vào danh mục gói thầu Generic gồm 1.197 mặt hàng trong đó có các mặt hàng thuốc đã bị đổi nhóm, bỏ nhóm, tăng số lượng, để trình Hội đồng thẩm định kế hoạch đấu thầu; rà soát tham mưu cho Giám đốc Sở Y tế ký ban hành các văn bản gồm: Tờ trình số 166/TTr-SYT đề nghị UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt kế hoạch đấu thầu; Tờ trình số 110/TTr-SYT gửi Sở Tài chính xin phê duyệt giá dự toán mua thuốc khám chữa bệnh. Nguyễn Hữu T2 không kiểm tra, đối chiếu các tài liệu theo quy định mà tham mưu cho Doãn Hữu L2 ký Quyết định số 909/QĐ-SYT ngày 18-11-2014 về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, đã phê duyệt trúng thầu sai nhóm; tham mưu cho Doãn Hữu L2 ký ban hành Quyết định số 942a/QĐ-SYT ngày 28-11-

2014 về việc phê duyệt bổ sung kết quả lựa chọn nhà thầu, dẫn đến đề xuất Meloxicam Stada 15mg trúng thầu sai nhóm (thuốc nhóm 3 trúng thầu nhóm 2), gây hậu quả thiệt hại cho ngân sách Nhà nước, với tổng giá trị thiệt hại là 13.840.468.874 đồng.

Doãn Hữu L2 - Nguyên Giám đốc Sở Y tế, là người đại diện cho Chủ đầu tư, chịu trách nhiệm trước pháp luật và người có thẩm quyền về quá trình lựa chọn nhà thầu, đã không kiểm tra đối chiếu các tài liệu và các căn cứ quy định của pháp luật, dẫn đến không phát hiện ra hành vi vi phạm của Nguyễn Hữu H; Cao Thị N1, Nguyễn Xuân H2 và Nguyễn Đình D, nên đã ký các quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, phê duyệt kết quả trúng thầu, các quyết định chỉ định thầu trong đó có 14 mặt hàng thuốc không đúng nhóm thuốc được đấu thầu theo quy định, trong đó: các mặt hàng thuốc Elaria, Medozopen 500mg, S gel (thuốc nhóm 5 trúng thầu nhóm 1), các mặt hàng thuốc: Meloxicam Stada 15mg, Calcium S 500mg, Cefustad kid, P, P, P, Vitamin C 1g (thuốc nhóm 3 trúng thầu nhóm 2), các mặt hàng thuốc Alclav, T5, B3, Maxocet 200 (thuốc nhóm 5 trúng thầu nhóm 2) gây hậu quả thiệt hại cho ngân sách Nhà nước với tổng giá trị thiệt hại là 13.840.468.874 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2023/HS-ST ngày 17-02-2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

1. Áp dụng các điểm a, đ khoản 1, khoản 3 Điều 222; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Hữu H 06 (sáu) năm tù về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 27-4-2020 đến ngày 11-5-2021).

2. Áp dụng các điểm a, đ khoản 1, khoản 3 Điều 222; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Cao Thị N1 06 (sáu) năm tù về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 10-12-2020 đến ngày 11-5-2021).

3. Áp dụng các điểm a, đ khoản 1, khoản 3 Điều 222; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Đình D 06 (sáu) năm tù về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 27-4-2020 đến ngày 11-5-2021).

4. Áp dụng các điểm a, đ khoản 1, khoản 3 Điều 222; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Xuân H2 06 (sáu) năm tù về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 10-12-2020 đến ngày 11-5-2021).

5. Áp dụng khoản 2 Điều 285 của Bộ luật Hình sự năm 1999; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt:

Doãn Hữu L2 03 (**ba**) năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 27-4-2020 đến ngày 11-5-2021).

6. Áp dụng khoản 2 Điều 285 của Bộ luật Hình sự năm 1999; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt:

Nguyễn Hữu T2 03 (**ba**) năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 10-12-2020 đến ngày 11-5-2021).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với 10 bị cáo khác; quyết định truy thu tiền sung ngân sách Nhà nước, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 20-02-2023, Nguyễn Xuân H2 kháng cáo đề nghị xem xét lại tội danh để có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội; đồng thời, xem xét lại mức thiệt hại để ban hành bản án đúng pháp luật.

- Ngày 27-02-2023, Nguyễn Hữu H kháng cáo đề nghị chuyển tội danh và giảm hình phạt.

- Ngày 27-02-2023, Nguyễn Đình D kháng cáo đề nghị xem xét lại tội danh và giảm hình phạt; đồng thời, đề nghị tách riêng thiệt hại của đấu thầu rộng rãi với thiệt hại của đấu thầu chỉ định để xác định đúng trách nhiệm của tổ chuyên gia.

- Ngày 28-02-2023, Nguyễn Hữu T2 kháng cáo xin hưởng án treo.

- Ngày 02-3-2023, Doãn Hữu L2 kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 03-3-2023, Cao Thị N1 kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo bản án; đơn kháng cáo của các bị cáo là trong hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Hữu H rút kháng cáo về nội dung chuyển tội danh, giữ nguyên kháng cáo xin giảm hình phạt; Nguyễn Đình D rút kháng cáo xem xét lại tội danh và kháng cáo đề nghị tách riêng thiệt hại của đấu thầu rộng rãi với thiệt hại của đấu thầu chỉ định để xác định đúng trách nhiệm của tổ chuyên gia, giữ nguyên kháng cáo xin giảm hình phạt; các bị cáo còn lại đều giữ nguyên kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355 và Điều 356, các điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân H2.
- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Cao Thị N1, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Đình D, Doãn Hữu L2 và Nguyễn Hữu T2.
- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2023/HS-ST ngày 17-02-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo hướng: Giảm hình phạt cho các bị cáo Cao Thị N1, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Đình D; giữ nguyên hình phạt và cho các bị cáo Doãn Hữu L2 và Nguyễn Hữu T2 được hưởng án treo. ữu T2

Luật sư bào chữa và các bị cáo tranh tụng công khai; nói lời sau cùng các bị cáo đều tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2.1]. Về tội danh:

- Đối với hành vi vi phạm quy định về đấu thầu:

Để tiến hành hoạt động đấu thầu thuốc, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành các quyết định; trong đó, có Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 26-4-2014 về việc thay đổi thành viên Hội đồng thẩm định kế hoạch đấu thầu mua thuốc tại Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 23-01-2014, theo đó Doãn Hữu L2 - Giám đốc Sở Y được phân công làm Chủ tịch Hội đồng. Sau khi được phân công nhiệm vụ, Doãn Hữu L2 thành lập Tổ Chuyên gia đấu thầu, phân công Nguyễn Hữu H - Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, thuộc Sở Y tế làm tổ trưởng; thành lập Tổ Thẩm định đấu thầu, phân công Nguyễn Đình Q - Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ Y làm tổ trưởng và thành lập Tổ giúp việc cho Chủ đầu tư gồm 13 thành viên, phân Nguyễn Hữu H làm Tổ trưởng, Nguyễn Đình Q làm Tổ phó.

Căn cứ Bảng phân công nhiệm vụ ngày 28-10-2013 (kèm theo Quyết định số 864/QĐ-SYT ngày 28-10-2013), trên cơ sở số liệu báo cáo của các cơ sở trực thuộc Sở Y tế, Nguyễn Xuân H2 đã tổng hợp, lập ra danh mục gói thầu thuốc theo tên G với 1.252 mặt hàng, được Chủ đầu tư ký Tờ trình số 01/SYT-TCGĐT ngày 08-4-2014 gửi cho Hội đồng thẩm định kế hoạch đấu thầu, với giá trị gói thầu là 426.799.333.485 đồng, nhưng tờ trình này không được phê duyệt vì lý do cần rà soát, bổ sung theo nhu cầu thực tế của các đơn vị Y tế công lập. Sau đó, theo chỉ đạo của Nguyễn Hữu H, Cao Thị N1 đã tiếp nhận, sử dụng các tài liệu không có nguồn gốc rõ ràng, trái pháp luật rồi căn cứ vào đó để tự ý điều chỉnh thay đổi nhóm, thay đổi hàm lượng, nồng độ, thay đổi số lượng mặt hàng thuốc không đúng với nhu cầu sử dụng của các cơ sở Y tế báo cáo, lập ra Danh mục 1.197 mặt hàng thuốc của gói thầu theo tên G không đúng quy định khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 01/2012/TTTL-BYT-BTC ngày 19-01-2012 của Bộ Y - Bộ T6 hướng dẫn đấu thầu mua thuốc trong các cơ sở Y tế công lập (Danh mục này khác với danh mục 1.252 mặt hàng do Nguyễn Xuân H2 lập) rồi N1 gửi cho Nguyễn Xuân H2 kiểm tra, rà soát và gửi cho Nguyễn Hữu H để báo cáo, thực hiện.

Danh mục 1.197 mặt hàng này được Nguyễn Hữu H rà soát, ký tham mưu cho Chủ đầu tư ký ban hành Tờ trình số 128/TTr-TCG gửi Hội đồng thẩm định kế hoạch đấu thầu để được phê duyệt, có tổng giá trị là 517.917.317.306 đồng (chênh lệch lớn hơn danh mục 1.252 mặt hàng, do Nguyễn Xuân H2 lập theo Tờ trình số 01 là 89.194.157.776 đồng). Sự thay đổi của 02 danh mục theo 02 tờ trình về nhóm mặt hàng thuốc và rõ ràng nhất là sự thay đổi chênh lệch về tổng số tiền thực hiện đấu thầu mà Danh mục 1.197 mặt hàng mà Cao Thị N1 đã lập ra, buộc Nguyễn Xuân H2 phải biết rõ; còn Nguyễn Hữu H với vai trò là Tổ trưởng và Nguyễn Đình D là Tổ phó Tổ Chuyên gia, trong đó D được giao phối hợp rà soát danh mục, tham mưu soạn thảo hồ sơ mời thầu; H là người điều hành tổ, mọi việc từ khâu lập danh mục kế hoạch đấu thầu đều phải báo cáo cho H và H trực tiếp ký tham mưu cho Chủ đầu tư ký ban hành Tờ trình số 128/TTr-TCG gửi Hội đồng thẩm định kế hoạch đấu thầu về việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua thuốc khám chữa bệnh trong các cơ sở công lập năm 2014-2015; do đó, buộc các bị cáo đều phải biết việc thay đổi về nhóm thuốc một số mặt hàng trong Danh mục 1.197 mặt hàng do Cao Thị N1 lập ra. Ngoài ra, Nguyễn Đình D trực tiếp tham mưu xây dựng hồ sơ mời thầu, bảng dữ liệu đấu thầu, quy trình chấm thầu và D là người tập huấn, hướng dẫn cách chấm thầu cho các thành viên Tổ Chuyên gia; bị cáo biết rõ Tổ Chuyên gia không chấm điều kiện tiên quyết các mặt hàng dự thầu của nhà thầu Liên danh Hoàng V1 - P tại bước 1, nhưng Biên bản bản xét thầu và Báo cáo số 01/BC-TCG ngày 10-6-2014 của Tổ Chuyên gia lại có nội dung không đúng với thực tế, nhưng vẫn ký tên xác nhận các mặt hàng dự thầu của Liên danh Hoàng V1 - Pymmerpharco và Liên danh Công thành - T - V đáp ứng điều kiện tiên quyết tại Bước 1 và được chuyển qua đánh giá về mặt kỹ thuật tại B. Sau đó, bị cáo không kiểm tra, giám sát mà vẫn đồng ý sử dụng kết quả trúng thầu của Tổ Chuyên gia để đề nghị trúng thầu.

Hành vi lập ra Danh mục 1.197 mặt hàng thuốc đã bị thay đổi về nhóm, không xét điều kiện tiên quyết các mặt hàng thuốc tham gia dự thầu để loại bỏ các mặt hàng dự thầu bị sai về nhóm thuốc là một chuỗi hành vi sai phạm chính và cũng là nguyên nhân dẫn đến việc hạn chế sự tham gia của các nhà thầu, làm kế hoạch đấu thầu thuốc năm 2014-2015 không được thực hiện đúng, đấu thầu xong không đủ thuốc đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng thực tế của các đơn vị Y tế công lập đã dự trù, nên phải sử dụng kết quả đấu thầu đã sai phạm trước đó để thực hiện việc chỉ định thầu gây thiệt hại nghiêm trọng. Các bị cáo Nguyễn Xuân H2, Cao Thị N1, Nguyễn Hữu H và Nguyễn Đình D là thành viên Tổ Chuyên gia, nhưng vẫn tham gia vào Tổ Giúp việc để lựa chọn trúng thầu đối với mặt hàng thuốc Meloxicam Stada 15mg đã bị Tổ Thẩm định loại bỏ không trúng thầu thuốc nhóm 2 trước đó.

Như vậy, căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm có đủ cơ sở để xác định Nguyễn Xuân H2, Cao Thị N1, Nguyễn Hữu H và Nguyễn Đình D đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao trong khi thi hành công vụ, tiếp nhận những tài liệu có nguồn gốc trái quy định của pháp luật để thay đổi Danh mục gói thầu Generic về việc chuyển nhóm, bỏ nhóm, thay đổi hàm lượng và thêm mới nhiều mặt hàng thuốc trong Danh mục

đấu thầu không đúng với tình hình sử dụng thuốc của các cơ sở Y tế công lập, không đúng quy định về căn cứ lập kế hoạch đấu thầu, nhằm mục đích hạn chế sự tham gia của các nhà thầu có đủ điều kiện, can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động đấu thầu, không xét điều kiện tiên quyết của hồ sơ dự thầu để loại bỏ mặt hàng không đảm bảo tiêu chuẩn dự thầu, nhưng vẫn báo cáo sai sự thật kết quả chấm thầu, mục đích làm thay đổi hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu và thay đổi kết quả đấu thầu đối với gói thầu G, dẫn đến hậu quả 14 mặt hàng thuốc: Calcium Stada 500mg, P, P, P, Meloxicam Stada 15mg, C4 kid, Vitamin C Stada 1g, E1, Medozopen 500mg, Sucrate gel, A, M, B4, T5 được xét duyệt và phê duyệt trúng thầu sai nhóm. Theo các kết luận định giá, thì tổng số tiền thiệt hại là 13.840.468.874 đồng.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Xuân H2, Cao Thị N1, Nguyễn Hữu H và Nguyễn Đình D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”, được quy định tại các điểm a và đ khoản 1, khoản 3 Điều 222 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk kết án các bị cáo về tội danh này là có căn cứ.

- Đối với hành vi thiếu trách nhiệm:

Doãn Hữu L2, Nguyễn Hữu T2 đều được phân công nhiệm vụ cụ thể trong việc tham gia vào hoạt động đấu thầu thuốc của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk theo gói thầu tên Generic năm 2014-2015. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, vì thiếu trách nhiệm trong việc giám sát, rà soát, lập, trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu và phê duyệt kết quả trúng thầu, nên các bị cáo đã không phát hiện ra các sai phạm dẫn đến đề nghị trúng thầu, phê duyệt trúng thầu và chỉ định thầu, trong đó sai nhóm 14 mặt hàng thuốc thuốc Calcium Stada 500mg, Cefustad K 125mg, M 15mg, P, Partamol 150, Partamol 250; Vitamin C Stada 1g; Elaria, Medozopen 500mg, Sucrate gel, Alclav 1000mg tablets, B5- C, T, M, dẫn đến hậu quả gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước.

Hành vi như đã nêu trên của Doãn Hữu L2 và Nguyễn Hữu T2 đủ yếu tố cấu thành tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” được quy định tại điểm c khoản 3 Điều của 360 Bộ luật Hình sự năm 2015, có khung hình phạt tù từ “07 năm đến 12 năm”. Tuy nhiên, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tại thời điểm năm 2014-2015. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội hướng dẫn áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk kết án các bị cáo về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo khoản 2 Điều 285 của Bộ luật Hình sự năm 1999, có mức phạt tù từ “Ba năm đến bảy năm” là đúng pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt:

Các bị cáo đều có trình độ chuyên môn, đủ khả năng nhận thức được hành vi vi phạm của mình là nguyên nhân chính dẫn đến gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước, nhưng các bị cáo vẫn thực hiện. Xét tính chất vụ án do các bị cáo gây ra là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, xâm phạm tính đúng đắn của hoạt động

đầu thầu và làm giảm lòng tin của các nhà đầu tư trong lĩnh vực Y tế. Trong vụ án này có nhiều bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét, đánh giá vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi để có mức hình phạt đối với từng bị cáo.

- Đối với các bị cáo Nguyễn Xuân H2, Cao Thị N1, Nguyễn Hữu H và Nguyễn Đình D:

(1) Nguyễn Xuân H2 là người tổng hợp, lập ra danh mục gói thầu thuốc theo tên G với 1.252 mặt hàng, được Chủ đầu tư ký Tờ trình số 01/SYT-TCGĐT ngày 08-4-2014 gửi cho Hội đồng thẩm định kế hoạch đấu thầu, với giá trị gói thầu là 426.799.333.485 đồng, nhưng tờ trình này không được phê duyệt vì lý do cần rà soát, bổ sung theo nhu cầu thực tế của các đơn vị Y tế công lập thuộc Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk, (2) Cao Thị N1 tiếp nhận, sử dụng các tài liệu không có nguồn gốc rõ ràng, trái pháp luật rồi căn cứ vào đó để tự ý điều chỉnh thay đổi nhóm, thay đổi hàm lượng, nồng độ, thay đổi số lượng mặt hàng thuốc không đúng với nhu cầu sử dụng của các cơ sở Y tế báo cáo, lập ra Danh mục 1.197 mặt hàng thuốc của gói thầu không đúng quy định về đấu thầu mua thuốc trong các cơ sở Y tế công lập. Sau khi lập danh mục mới, Cao Thị N1 gửi cho Nguyễn Xuân H2 kiểm tra, rà soát và tham mưu cho Chủ đầu tư ký ban hành tờ trình gửi Hội đồng thẩm định kế hoạch đấu thầu để được phê duyệt, có tổng giá trị là 517.917.317.306 đồng, (3) Nguyễn Đình D là Tổ phó Tổ chuyên gia, được giao nhiệm vụ phối hợp rà soát danh mục, tham mưu soạn thảo hồ sơ mời thầu; bị cáo biết việc thay đổi về nhóm thuốc một số mặt hàng trong Danh mục 1.197 mặt hàng do Cao Thị N1 lập ra không đúng quy định, nhưng vẫn tham mưu cho Chủ đầu tư ký ban hành Tờ trình số 128/TTr-TCG gửi Hội đồng thẩm định kế hoạch đấu thầu về việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua thuốc khám chữa bệnh trong các cơ sở công lập năm 2014-2015 và (4) Nguyễn Hữu H với vai trò là Tổ trưởng Tổ Chuyên gia, là người điều hành tổ, mọi việc từ khâu lập danh mục kế hoạch đấu thầu đều phải báo cáo cho H, sau đó H rà soát rồi ký tham mưu cho C5 đầu tư ký ban hành tờ trình gửi Hội đồng thẩm định kế hoạch đấu thầu để được phê duyệt.

Hành vi của các bị cáo là lập danh mục mặt hàng thuốc đã bị thay đổi về nhóm là nguyên nhân dẫn đến việc hạn chế sự tham gia của các nhà thầu, làm kế hoạch đấu thầu thuốc năm 2014-2015 không được thực hiện đúng, đấu thầu xong không đủ thuốc đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng thực tế của các đơn vị Y tế công lập đã dự trù, nên phải sử dụng kết quả đấu thầu đã sai phạm trước đó để thực hiện việc chỉ định thầu, từ đó gây thiệt hại cho Nhà nước với tổng số tiền là 13.840.468.874 đồng. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt mỗi bị cáo 06 năm tù là tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo.

Các bị cáo kháng cáo đề nghị xem xét lại tội danh và trách nhiệm dân sự, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều rút kháng cáo về nội dung này và thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, các bị

cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án; quá trình công tác đã đạt nhiều thành tích xuất sắc, được tặng thưởng nhiều bằng khen, giấy khen; sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đều tự nguyện nộp tiền để khắc phục một phần hậu quả; Nguyễn Đình D cung cấp được bệnh án kết luận bị cáo bị bệnh nặng, bị cáo có bố được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì; Cao Thị N1 có bố được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba; gia đình Nguyễn Xuân H2 có công với cách mạng; Nguyễn Hữu H đang điều trị bệnh huyết áp cao; ngoài ra, các bị cáo được Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk có công văn đề nghị xem xét giảm hình phạt, với lý do các bị cáo đều có nhiều đóng góp trong công tác phòng chống dịch Covid-19 tại địa phương. Do tại Tòa án cấp phúc thẩm các bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm hình phạt cho các bị cáo để thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

- Đối với Doãn Hữu L2 và Nguyễn Hữu T2:

Doãn Hữu L2, Nguyễn Hữu T2 có đầy đủ năng lực, trình độ chuyên môn, có đủ điều kiện để được tham gia vào hoạt động đấu thầu thuốc của Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk, nhưng vì thiếu trách nhiệm trong việc giám sát, rà soát, lập, trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu và phê duyệt kết quả trúng thầu, nên các bị cáo đã không phát hiện ra các sai phạm từ đó đề nghị trúng thầu, phê duyệt trúng thầu và chỉ định thầu, dẫn đến hậu quả gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt mỗi bị cáo 03 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án; vụ án đã xảy ra từ nhiều năm trước và thời điểm này các quy định pháp luật về đấu thầu thuốc cũng chưa hoàn thiện, nên cũng gặp nhiều khó khăn chung trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; ngoài ra, các bị cáo đều có nhiều năm công tác, có nhiều đóng góp tích cực cho ngành Y tế; sau khi phạm tội các bị cáo vẫn tiếp tục làm việc, cống hiến năng lực, công sức trong hoạt động phòng chống dịch bệnh Covid-19 tại địa phương; quá trình công tác có thành tích xuất sắc, được tặng thưởng nhiều bằng khen và giấy khen; sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đều tự nguyện nộp đủ tiền để khắc phục hậu quả; theo Án lệ số 48/2021/AL ngày 25-11-2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì đây được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, tại Tòa án cấp phúc thẩm các bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07-9-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các bị cáo đủ điều kiện để được áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

[4]. Về án phí:

Do kháng cáo được chấp nhận, nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và các điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Xuân H2, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Đình D và Nguyễn Hữu T2.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Cao Thị N1 và Doãn Hữu L2.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2023/HS-ST ngày 17-02-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về phần Trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Xuân H2, Cao Thị N1, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Đình D, Doãn Hữu L2 và Nguyễn Hữu T2.

2. Về trách nhiệm hình sự:

2.1. Áp dụng các điểm a, đ khoản 1, khoản 3 Điều 222; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Xuân H2 05 (**năm**) năm tù về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 10-12-2020 đến ngày 11-5-2021).

2.2. Áp dụng các điểm a, đ khoản 1, khoản 3 Điều 222; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Cao Thị N1 04 (**bốn**) năm tù về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 10-12-2020 đến ngày 11-5-2021).

2.3. Áp dụng các điểm a, đ khoản 1, khoản 3 Điều 222; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Hữu H 04 (**bốn**) năm tù về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 27-4-2020 đến ngày 11-5-2021).

2.4. Áp dụng các điểm a, đ khoản 1, khoản 3 Điều 222; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Đình D 04 (**bốn**) năm tù về tội “Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 27-4-2020 đến ngày 11-5-2021).

2.5. Áp dụng khoản 2 Điều 285 của Bộ luật Hình sự năm 1999; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt:

Doãn Hữu L2 03 (**ba**) năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (**năm**) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

2.6. Áp dụng khoản 2 Điều 285 của Bộ luật Hình sự năm 1999; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt:

Nguyễn Hữu T2 03 (**ba**) năm tù về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 (**năm**) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Doãn Hữu L2 và Nguyễn Hữu T2 cho UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự; gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyễn Xuân H2 và Cao Thị N1, Nguyễn Hữu H, Nguyễn Đình D, Doãn Hữu L2 và Nguyễn Hữu T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường